

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 23/02/2021

TIẾP TỤC GIẰNG CO

Diễn biến thị trường:

Thị trường trong phiên giao dịch hôm nay có thể gói gọn trong hai từ: "cực kỳ giằng co". Đã có nhiều thời điểm VN-Index lùi về dưới mốc 1.170 điểm nhưng áp lực bán là chưa đủ lớn để thắng được lực lượng bắt đáy đang thường trực trên thị trường. Xu hướng không rõ ràng và cực kỳ giằng co trong phiên khiến chỉ số VN-Index không dưới 5 lần giao động quanh mốc tham chiếu. Sang đến phiên giao dịch chiều cũng là một kịch bản tương tự. Dù đã có lúc dòng tiền bất ngờ đổ mạnh vào thị trường giúp VN-Index tăng gần 10 điểm nhưng lực bán vào những phút cuối đã thu hẹp đà tăng của chỉ số đến cuối phiên chỉ còn mức 2,6 điểm. Kết thúc phiên ngày 23/02, VN-Index dừng chân ở mốc 1.177,64 điểm.

Dòng tiền tiếp tục phân hóa rõ nét trong phiên hôm nay. Nhóm chứng khoán sau một số phiên đi ngang tích lũy thì hôm nay giao dịch khá khởi sắc. Hàng loạt cổ phiếu chứng khoán kết phiên với mức tăng tốt SSI, HCM, BVS, BSI, MBS, CTS, VDS... Cùng với sự bứt phá mạnh của giá dầu thế giới, cổ phiếu dầu khí cũng đã đem lại niềm vui cho nhiều nhà đầu tư với mức tăng mạnh trên hầu hết các mã như PVS, PVD, BSR, PVC, OIL... Bên cạnh đó, một nhóm ngành ít nhận được sự chú ý của thị trường là nhóm cổ phiếu đường cũng đã có một phiên giao dịch rất tích cực hôm nay. Các mã LSS, KTS thậm chí còn đóng cửa ở mức giá trần.

Thanh khoản giao dịch vẫn đang duy trì ổn định ở mức hơn 15 nghìn tỷ trên HSX. Hôm nay, đã có 598,27 triệu cổ phiếu được mua bán trên HSX, tương đương với giá trị giao dịch đạt mức 15.422 tỷ. Trong khi dòng tiền của các nhà đầu tư trong nước chưa tìm được xu hướng rõ ràng ở những phiên gần đây thì giao dịch của các nhà đầu tư nước ngoài đang là một điểm trừ khi họ tiếp tục bán ròng một cách quyết liệt. Cụ thể, họ bán ròng gần 706 tỷ trên cả 2 sàn, trong đó tập trung nhiều nhất vào các cổ phiếu như VNM (-106,41 tỷ), CTG (-77,26 tỷ) và HPG (-69,41 tỷ).

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Tiếp tục là một diễn biến giằng co giữa bên bán và bên mua như hai phiên gần đây. Khi mà lực cầu đã hạ nhiệt sau gần một tháng tăng ròng mạnh mẽ, bên bán cũng chưa tìm được lý do nào đủ thuyết phục để khiến thị trường giảm sâu thì trạng thái cân bằng của VN-Index ở thời điểm hiện tại là điều dễ hiểu. Với diễn biến hiện tại thì khuyến nghị của chúng tôi vẫn được giữ nguyên. Dù xu hướng tăng ngắn hạn và trung hạn vẫn đang được duy trì, chúng tôi cho rằng nhà đầu tư vẫn nên đặt mình trong trạng thái cẩn trọng để chuẩn bị sẵn tâm thế nếu thị trường xảy ra sự điều chỉnh. Khi sự giằng co vẫn đang diễn ra một cách mạnh mẽ, đặc biệt ở thời điểm VN-Index gần tiệm cận mốc siêu kháng cự 1.200 điểm thì việc duy trì tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục ở mức vừa phải là điều cần thiết lúc này.

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ :

Cổ phiếu	Giá mua	Giá bán	Lợi nhuận kỳ vọng	Giá đóng cửa	Giá cắt lỗ	Cập nhật
CCL	12.8	16.2	27%	13.2	11.8	Chờ khớp
CTI	15.2	19.6	29%	15.5	14.0	Chờ khớp
KSB	32.5	41.7	28%	33.7	29.9	Chờ khớp
QNC	6.3	8.6	37%	6.9	5.8	Chờ khớp

Tổng quan thị trường

	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	1.177,64	238,78
Thay đổi (%)	0,22%	0,34%
KLGD (triệu CP)	598,27	139,36
GTGD (tỷ VNĐ)	15.421,79	2.252,25
Số CP tăng giá	233	123
Số Cp đứng giá	66	60
Số Cp giảm giá	201	68

Chỉ số tài chính

	HSX	HNX
PB (lần)	2,46	1,51
PE (lần)	18,04	16,05
Hệ số Beta	1,01	1,11
ROE (%)	15,99%	24,20%
ROA (%)	6,14%	8,15%

Giao dịch thỏa thuận

	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	26,56	14,66
GTGD (tỷ VNĐ)	1.121,36	198,05

Giao dịch NĐT NN

	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	822,31	04,67
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	1.522,38	10,59
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	700,07	05,92
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	705,99	

Chỉ số HĐTL

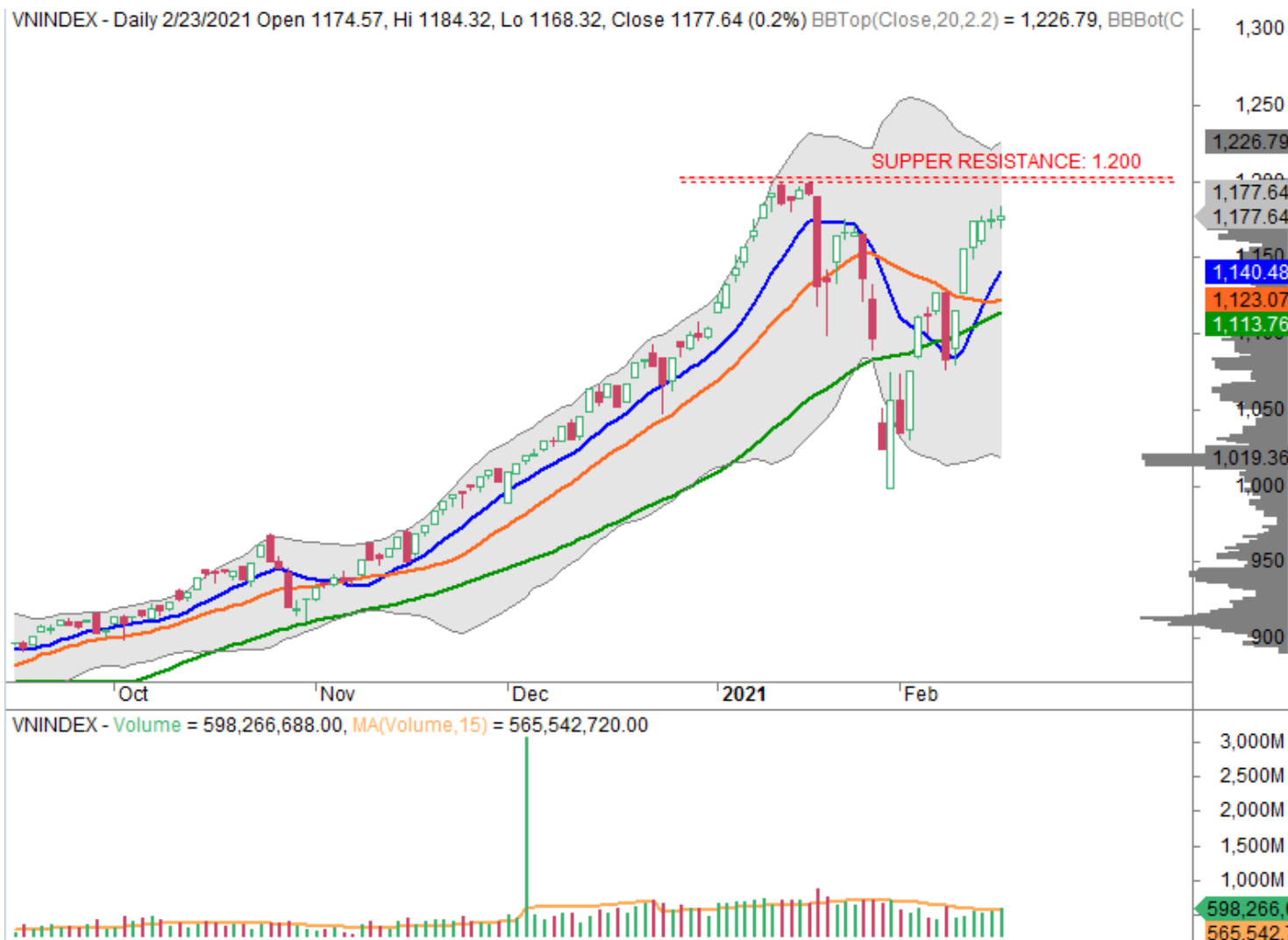
	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	1.182,47	01,92
VN30F2101	1.186,40	13,30
VN30F2102	1.190,00	14,60
VN30F2103	1.190,00	09,50
VN30F2106	1.190,90	10,90

Thị trường thế giới

	Đóng cửa	(%)
DJI *	31.521,69	0,09%
S&P 500 *	3.876,50	0,77%
DAX *	13.950,04	0,31%
FTSE 100 *	6.612,24	0,18%
Nikkei 225	30.156,03	0,00%
Hang Seng	30.632,64	1,03%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chi báo/Chi số	Chi báo ngắn hạn	Chi báo/Chi số	Chi báo Trung hạn
Stochastic	TÍCH CỰC	MACD	TÍCH CỰC
Volume	TÍCH CỰC	MA20	TÍCH CỰC
MA Ngắn hạn	TÍCH CỰC	MA50	TÍCH CỰC
Trend Ngắn hạn	TÍCH CỰC	Trend Trung hạn	TÍCH CỰC

Phân tích kỹ thuật:

Trạng thái giằng co của phiên giao dịch được thể hiện qua mẫu hình nền Spinning Top, cho thấy thị trường đang ở trạng thái cân bằng và không có bên nào (phe mua và phe bán) có thể kiểm soát được tình hình.

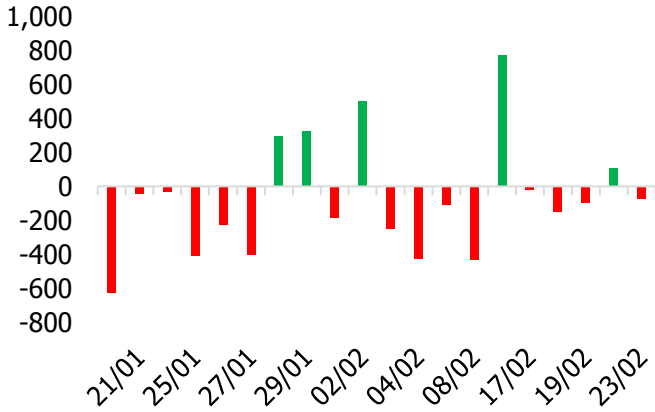
Những phiên giao dịch trong biên độ nhỏ không tác động đến xu hướng tăng trong ngắn hạn và trung hạn đã được thiết lập trước đó và chỉ báo xung lực giá RSI20 hầu như đi ngang ở mức 59 điểm. Trước khi thị trường có thể tiếp cận mốc kháng cự 1.200 điểm, chúng tôi cho rằng thị trường cần có một số phiên điều chỉnh để đưa mặt bằng giá của các cổ phiếu về mức hấp dẫn hơn là điều cần thiết.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

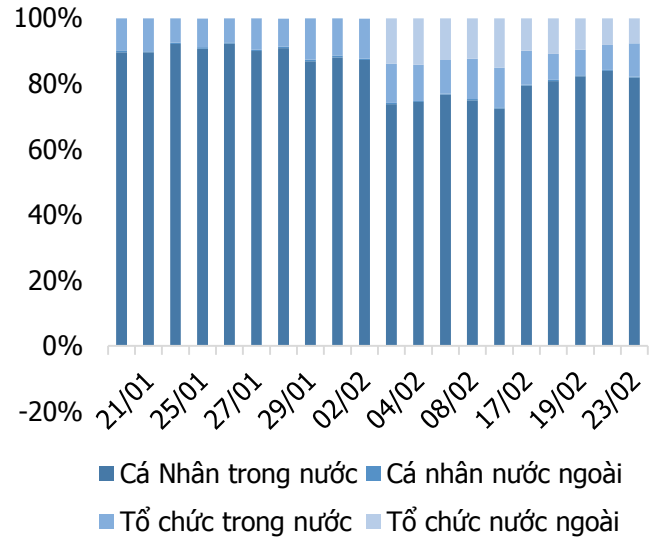
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch ròng của nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



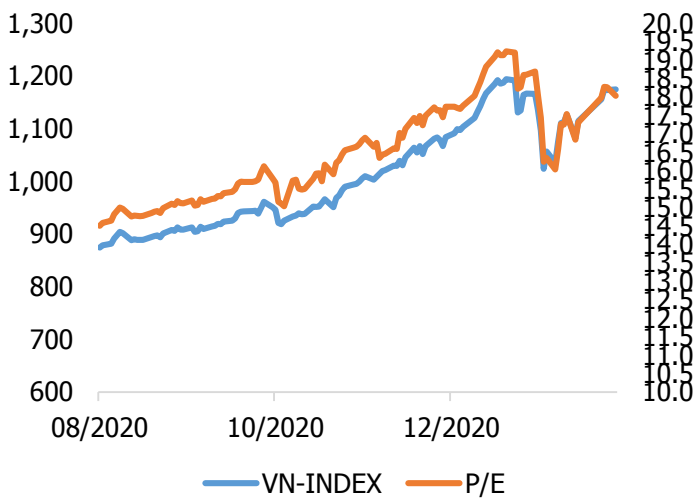
Giá trị Giao dịch theo NĐT-Ngày



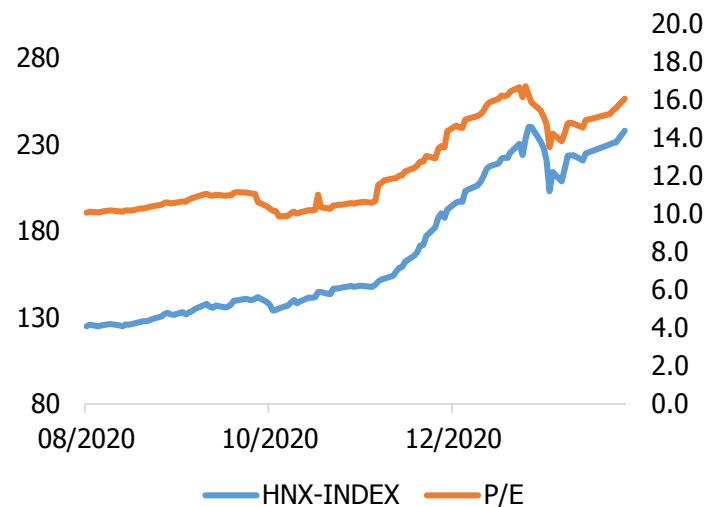
Vn-inden – P/E lịch sử

Hn-index – P/E lịch sử

VNINDEX - P/E lịch sử



HNXINDEX - P/E lịch sử



TOP MUA TỰ DOANH

Mã CP	Top mua	
	Giá	Giá trị (Tỷ đồng)
TCB	39,800	138.33
HPG	43,300	57.35
GAS	89,400	47.98
VIC	110,000	46.42
MWG	136,200	45.58

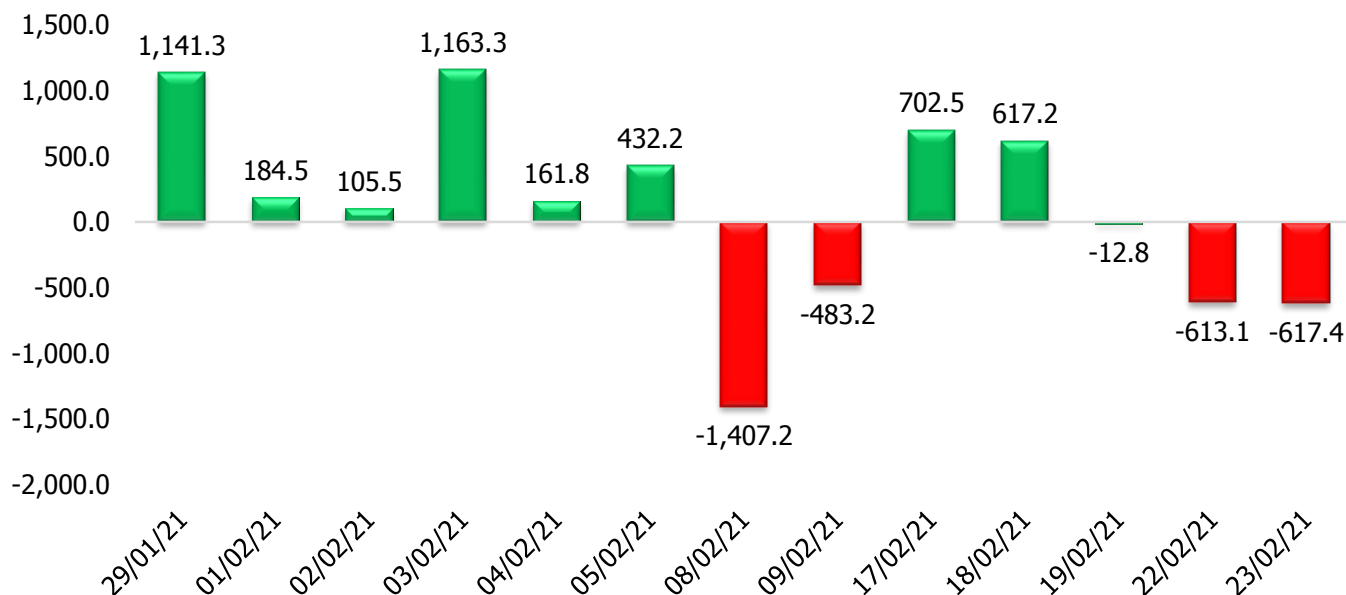
TOP BÁN TỰ DOANH

Mã CP	Top bán	
	Giá	Giá trị (Tỷ đồng)
TCB	39,800	86.25
HPG	43,300	79.41
VPB	40,500	77.40
VNM	107,000	48.91
VIC	110,000	37.12

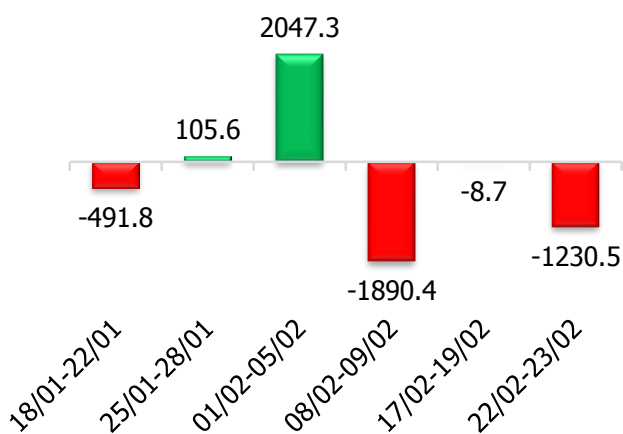
(Nguồn: Fiiipro, CSI tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

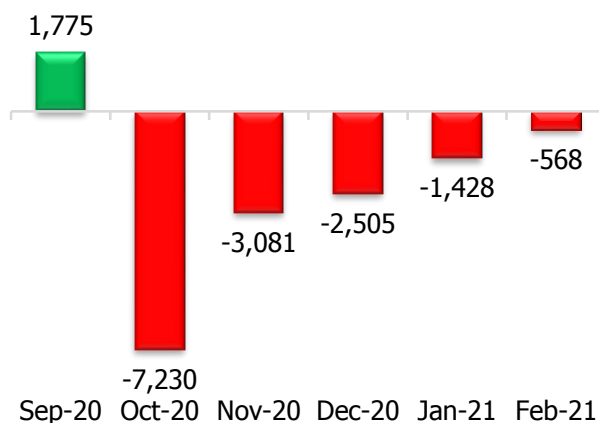
Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tuần gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 6 tháng gần nhất (tỷ vnd)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

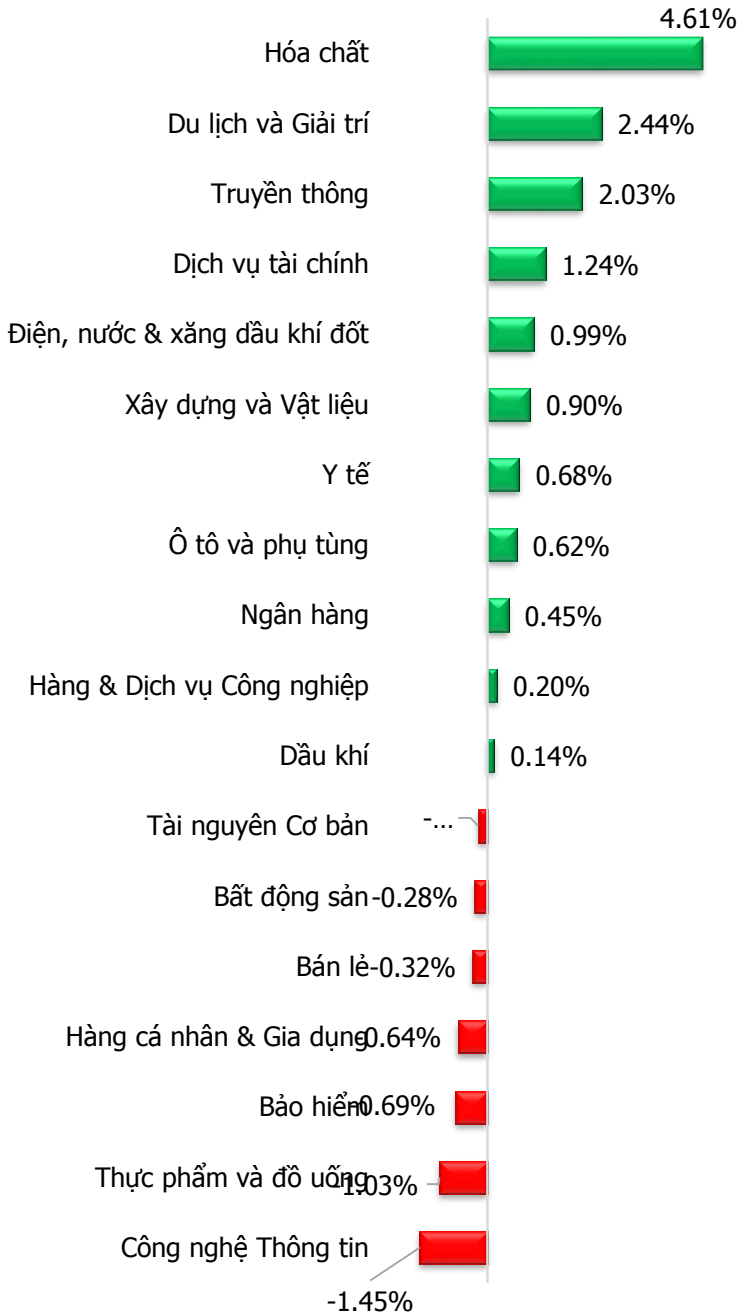
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
PME	82.55	VNM	106.35
MBB	34.75	CTG	77.23
VJC	31.78	HPG	69.32
VHM	22.44	HSG	60.99
VRE	21.79	VND	46.36

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

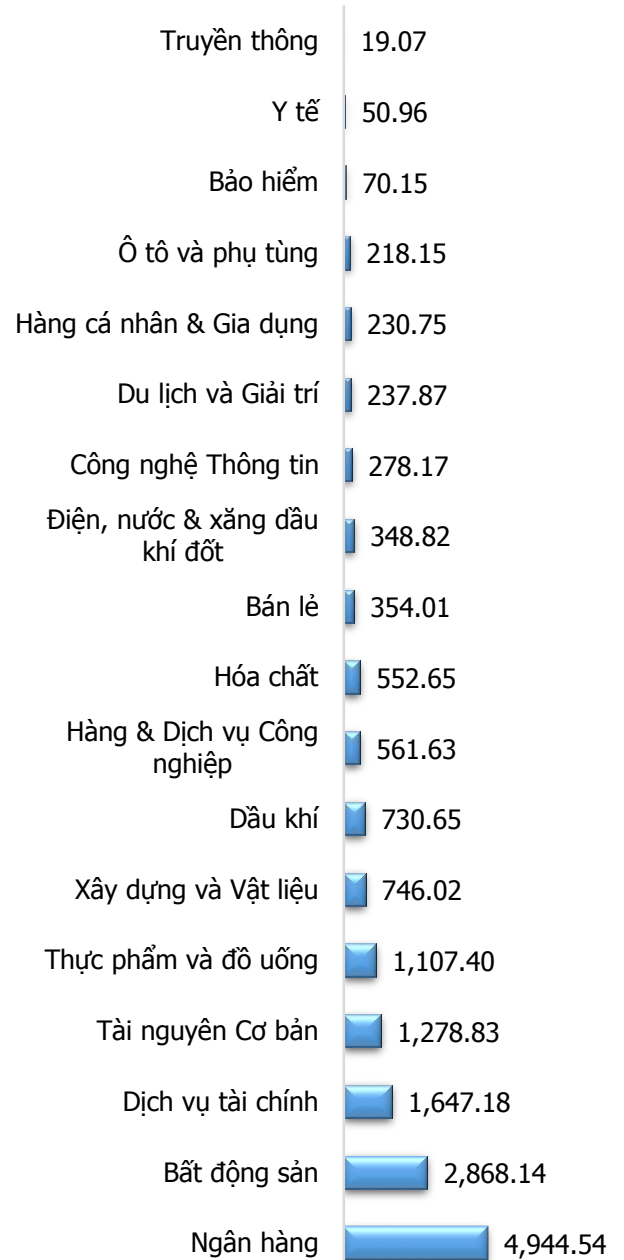
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
S99	1.11	HUT	2.23
PVB	0.41	PVS	1.50
IDJ	0.40	TIG	0.96
ART	0.28	CSC	0.85
SZB	0.22	DNP	0.75

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiinpro)

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TCO	10,700	700	7.00%	6,600
KSB	33,700	2,200	6.98%	4,489,100
GVR	29,900	1,950	6.98%	8,396,300
HSL	5,680	370	6.97%	270,200
DAH	4,150	270	6.96%	1,271,500

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
DST	3,300	300	10.00%	2,128,669
VHL	25,400	2,300	9.96%	21,349
CVN	10,000	900	9.89%	644,216
UNI	17,800	1,600	9.88%	36,401
S99	24,600	2,200	9.82%	1,367,477

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
CMV	16,200	-1,200	-6.90%	4,200
MDG	11,100	-800	-6.72%	600
NHH	72,000	-5,100	-6.61%	282,100
SC5	20,300	-1,350	-6.24%	400
FDC	11,800	-750	-5.98%	600

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PRC	13,600	-1,500	-9.93%	22,000
KHS	12,900	-1,400	-9.79%	3,000
DIH	13,000	-1,400	-9.72%	17,100
TKU	13,100	-1,400	-9.66%	200
SJ1	16,300	-1,600	-8.94%	100

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
MBB	27,400	700	2.62%	31,587,900
TCB	39,800	1,200	3.11%	26,384,200
STB	18,800	200	1.08%	24,897,200
FLC	6,150	-170	-2.69%	18,229,200
SSI	33,600	750	2.28%	15,568,700

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	16,300	600	3.82%	31,073,880
PVS	22,600	900	4.15%	15,550,482
SHS	26,100	400	1.56%	9,045,862
NVB	14,600	1,000	7.35%	7,222,515
KLF	2,600	0	0.00%	6,058,590

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
MBB	27,400	700	2.62%	31,587,900
TCB	39,800	1,200	3.11%	26,384,200
STB	18,800	200	1.08%	24,897,200
FLC	6,150	-170	-2.69%	18,229,200
HPG	43,300	-100	-0.23%	17,921,700

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
SHB	16,300	600	3.82%	31,073,880
PVS	22,600	900	4.15%	15,550,482
SHS	26,100	400	1.56%	9,045,862
NVB	14,600	1,000	7.35%	7,222,515
KLF	2,600	0	0.00%	6,058,590

(Nguồn: Fiinpro, CSI tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	BID	175,963	19,036	1,775	0.5%	9.4%	24.65	2.30	2,071,396	44,000	-10.12%
2	BVH	45,356	26,961	2,081	1.1%	7.6%	29.36	2.27	1,096,393	60,500	5.97%
3	CTG	137,766	22,774	3,674	1.1%	16.9%	10.07	1.62	9,194,336	37,050	45.18%
4	FPT	60,204	20,084	4,517	9.4%	20.0%	17.00	3.82	2,745,182	75,500	67.99%
5	GAS	168,810	25,270	4,081	12.5%	15.8%	21.61	3.49	1,033,967	89,400	8.34%
6	HDB	41,119	14,429	2,667	1.7%	20.6%	9.67	1.79	4,125,573	25,950	49.90%
7	HPG	143,796	17,826	4,056	11.5%	25.1%	10.70	2.43	20,456,411	43,300	125.26%
8	KDH	18,944	14,544	2,055	8.5%	14.6%	16.50	2.33	1,585,215	33,500	48.00%
9	MBB	74,727	17,117	2,987	1.9%	19.1%	8.94	1.56	12,974,326	27,400	44.83%
10	MSN	111,125	13,568	1,054	1.2%	3.2%	89.78	6.97	2,735,026	92,700	80.62%
11	MWG	63,859	33,471	8,622	8.9%	28.4%	15.89	4.09	1,302,838	136,200	25.60%
12	NVL	85,967	28,629	3,970	3.3%	13.8%	20.35	2.82	3,166,751	80,800	51.32%
13	PDR	25,553	12,877	3,078	8.3%	25.5%	20.95	5.01	2,902,453	64,000	199.35%
14	PLX	69,716	17,375	807	1.6%	3.9%	70.87	3.29	987,767	56,800	16.31%
15	PNJ	19,349	23,055	4,749	12.5%	21.8%	17.92	3.69	1,092,443	83,500	4.56%
16	POW	30,210	12,115	937	4.0%	7.2%	13.76	1.06	8,869,913	12,850	23.74%
17	REE	17,616	37,059	5,250	8.1%	14.0%	10.86	1.54	622,887	56,400	70.87%
18	SBT	14,053	12,333	892	3.1%	7.0%	24.68	1.78	4,364,686	22,500	3.24%
19	SSI	19,678	16,376	2,095	4.0%	13.1%	15.68	2.01	9,036,738	33,600	132.28%
20	STB	33,548	16,054	1,487	0.6%	9.6%	12.51	1.16	21,434,583	18,800	64.60%
21	TCB	135,289	21,151	3,521	3.1%	18.4%	10.96	1.83	17,721,015	39,800	67.10%
22	TCH	8,055	13,940	2,573	9.5%	14.2%	8.86	1.64	8,528,168	23,000	-46.23%
23	TPB	28,783	16,231	3,469	1.9%	23.5%	8.04	1.72	3,346,331	27,950	60.03%
24	VCB	373,113	26,632	4,974	1.5%	20.6%	20.23	3.78	1,228,507	100,000	13.96%
25	VHM	348,031	26,189	8,463	13.5%	36.1%	12.50	4.04	3,456,171	105,300	22.88%
26	VIC	371,053	23,352	1,488	1.2%	4.0%	73.71	4.70	1,162,547	110,000	-0.18%
27	VJC	68,937	28,591	134	0.2%	0.5%	984.84	4.60	866,398	134,000	2.33%
28	VNM	224,670	14,975	5,311	23.8%	35.0%	20.24	7.18	2,410,699	107,000	23.49%
29	VPB	100,522	21,507	4,271	2.6%	21.9%	9.59	1.90	7,790,081	40,500	42.19%
30	VRE	77,600	12,895	1,048	6.3%	8.5%	32.58	2.65	5,953,241	34,400	11.24%

(Nguồn: Fiiipro, CSI tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI: csi.research@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: thanhlv@vncsi.com.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lê Văn Thành

Chuyên viên phân tích bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: thanhlv@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vncsi.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của CSI, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

TRỤ SỞ CSI

Tầng 11 Tòa Nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: <https://www.vncsi.com.vn>